

Số:

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện quy định về công khai trong hoạt động của Trường Vũng Tàu năm học 2024-2025 theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ văn bản số 3009/SGDĐT-KHTC ngày 16/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc triển khai thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ điều kiện thực tế của đơn vị, trường THPT Vũng Tàu xây dựng Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động năm học 2024-2025 của nhà trường theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện công khai các nội dung công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân gồm các nội dung về cơ sở giáo dục, chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu chi tài chính, kế hoạch hoạt động của giáo dục phổ thông để các thành viên trong nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

- Việc thực hiện công khai đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời gian theo quy định của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật liên quan.

- Thực hiện minh bạch các thông tin có liên quan của đơn vị để nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, người lao động, người học, gia đình người học và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của đơn vị.

- Góp phần phát huy tính dân chủ, nâng cao năng lực và trách nhiệm giải trình của đơn vị.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Nội dung công khai về thông tin chung về cơ sở giáo dục (Theo Điều 4, Chương II Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, gồm các nội dung sau:

1. Tên trường: Trường THPT Vũng Tàu

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ tại: Số 9, đường Thi Sách, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Số điện thoại liên lạc: 02543 852188

+ Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Huệ, số điện thoại 0909921882

+ Phó Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Lan Đài, số điện thoại 0914721339

+ Phó Hiệu trưởng: Ông Vương Đình Tân, số điện thoại 0961088968

+ Phó Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Sen, số điện thoại 0918344775

- Địa chỉ thư điện tử: c3vungtau.sobariavungtau@moet.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của trường: <https://thpt-vungtau.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp

- Là đơn vị sự nghiệp công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Mục tiêu của nhà trường:

Mục tiêu chính là giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực, theo phương thức dạy những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa đức, trí, thể, mỹ và chú trọng thực hành, để học sinh biết vận dụng những điều đã học vào thực tế.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THPT Vũng Tàu có địa chỉ tại: Số 9, đường Thi Sách, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Trường THPT Vũng Tàu được thành lập ngày 09/12/1954 với tên gọi đầu tiên Trường Trung học Đệ nhất cấp Vũng Tàu theo Nghị định số 246/GD-ND, ngày 9/12/1954 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến tháng 9/1976 gọi tên là Trường phổ thông cấp 3 Vũng Tàu. Năm 1981 đổi tên là Trường phổ thông trung học Vũng Tàu. Đến năm 1991 đổi tên là Trường Trung học phổ thông Vũng Tàu.

Trường THPT Vũng Tàu là ngôi trường trung học phổ thông đầu tiên được thành lập tại thành phố Vũng Tàu. Với bề dày lịch sử 70 năm, trường THPT Vũng Tàu luôn là ngôi trường đi đầu trong sự đổi mới của nền giáo dục, luôn là lá cờ đầu của ngành giáo dục tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Trong những năm qua tập thể cán bộ, giáo viên của trường luôn nỗ lực đạt nhiều thành tích đáng khích lệ, được tặng danh hiệu và nhiều bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Hiệu trưởng: Bà Nguyễn Thị Huệ, số điện thoại 0909921882

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 9, đường Thi Sách, phường 8, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Địa chỉ thư điện tử: huenguyen@thpt-vungtau.edu

7. Tổ chức bộ máy

- *Quyết định thành lập trường:*

Nghị định số 246/GD/ND ngày 09/12/1954 của Bộ Quốc Gia Giáo dục về việc thành lập trường Trung học Đệ nhất cấp Vũng Tàu nay là trường THPT Vũng Tàu

- *Quyết định kiện toàn Hội đồng trường:*

Quyết định số 1065/QĐ-SGDĐT ngày 13/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa-Vũng Tàu về kiện toàn Hội đồng trường THPT Vũng Tàu nhiệm kỳ 2023-2028.

- *Quyết định bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng:*

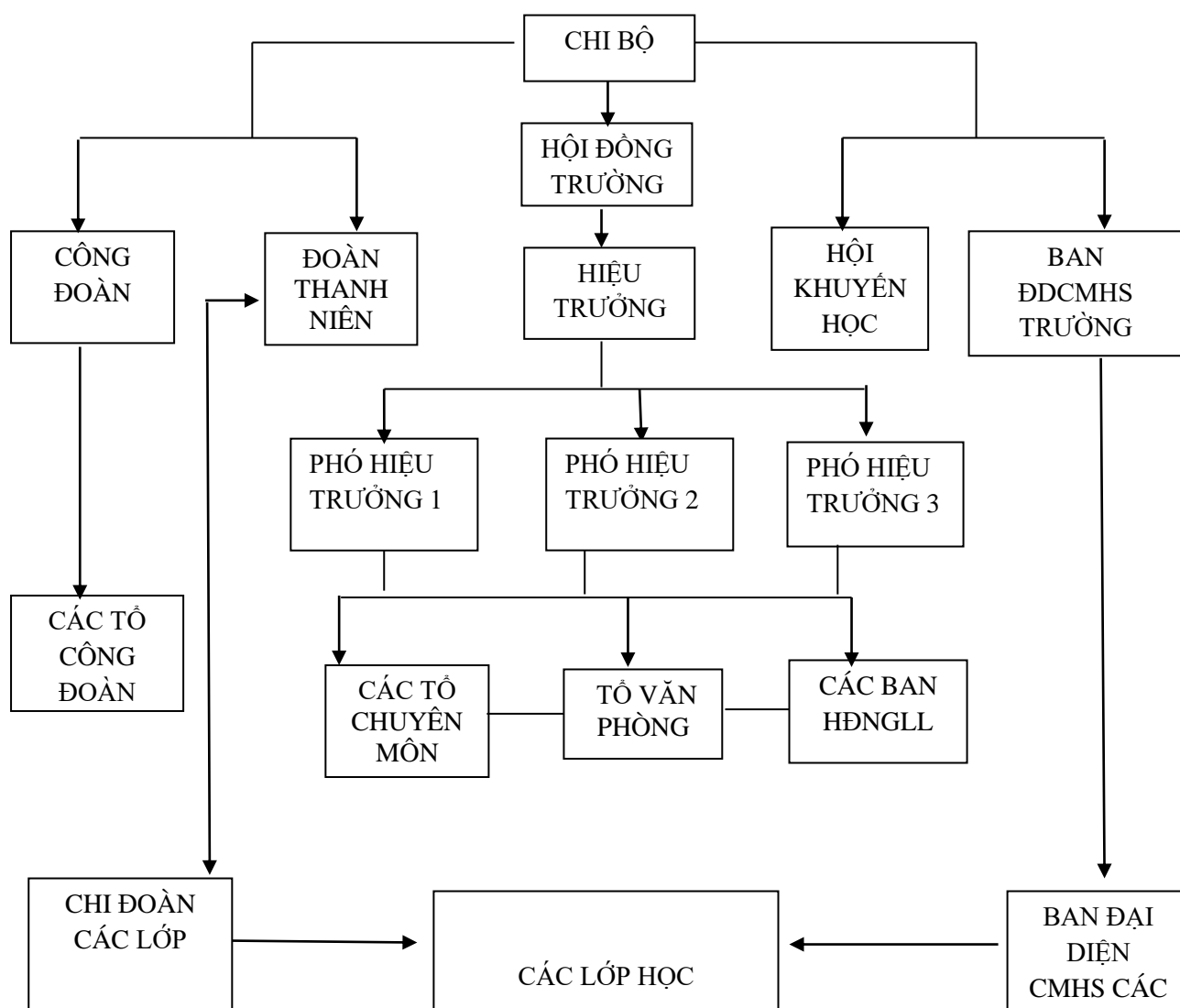
+ Quyết định số 1062/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa-Vũng Tàu về việc bổ nhiệm lại viên chức Bà Nguyễn Thị Huệ giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THPT Vũng Tàu.

+ Quyết định số 671/QĐ-SGDĐT ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa-Vũng Tàu về việc bổ nhiệm lại viên chức Bà Nguyễn Thị Lan Đài giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THPT Vũng Tàu.

+ Quyết định số 917/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa-Vũng Tàu về việc bổ nhiệm viên chức Ông Vương Đình Tân giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THPT Vũng Tàu.

+ Quyết định số 249/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa-Vũng Tàu về việc bổ nhiệm viên chức Bà Nguyễn Thị Sen giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường THPT Vũng Tàu.

- Sơ đồ, tổ chức bộ máy của đơn vị.



8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

2. Nội dung công khai về thu, chi tài chính

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, gồm các nội dung sau:

2.1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

- Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, học phí, và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác nếu có)

- Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, (nếu có) trong năm học và dự kiến cho năm học 2024-2025.

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học của năm học 2024-2025

2.4. Số dư các quỹ theo quy định (nếu có).

2.5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

III. NỘI DUNG CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

3.1. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông (Điều 8)

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

- Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

3.2. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

- Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường: Theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo và Quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

- Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

- Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

- Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

IV. CÁCH THỨC VÀ THỜI GIAN CÔNG KHAI

4.1. Cách thức công khai (Điều 14)

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện được quy định tại Chương II của Thông tư này tính đến tháng 6 hằng năm;

- Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT (Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên)

- Việc bố trí nội dung công khai được công khai trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

2. Cơ sở giáo dục mầm non, trường, lớp dành cho người khuyết tật chưa có cổng thông tin điện tử thực hiện niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục như sau:

a) Các nội dung được quy định tại điểm a khoản 1 của Điều này;

b) Báo cáo thường niên bao gồm các nội dung được quy định tại điểm b khoản 1 của Điều này;

c) Nơi niêm yết công khai phải bảo đảm thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động, người học, gia đình và các cá nhân liên quan tiếp cận thông tin. Trường hợp có nhiều tài liệu cần niêm yết, cơ sở giáo dục có thể niêm yết thông báo tóm tắt các nội dung công khai, kèm theo chỉ dẫn nguồn tài liệu, bảo đảm thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin.

3. Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới:

a) Các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ trẻ em, học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ trẻ em, học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

b) Các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục đại học, chương trình ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng, trường dự bị đại học thực hiện phổ biến các nội dung công khai hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho người học vào tháng đầu tiên của khóa học, năm học mới.

4. Các hình thức công khai khác theo quy định của pháp luật.

4.2. Thời gian công khai (Điều 15)

1. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau:

a) Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải

được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;

Thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục về dự kiến thực đơn hàng ngày/tuần của học sinh (nếu có) trước ngày thứ Bảy của tuần trước.

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo quy định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai. Thời gian niêm yết công khai (đối với cơ sở giáo dục mầm non; trường, lớp dành cho người khuyết tật chưa có cổng thông tin điện tử tối thiểu là 90 ngày và sau khi niêm yết phải lưu giữ tài liệu công khai để bảo đảm cho việc tiếp cận thông tin tối thiểu là 05 năm kể từ ngày niêm yết).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định của kế hoạch. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai năm trước liền kề cho Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/9 hằng năm;

Trên đây là kế hoạch của Trường THPT Vũng Tàu thực hiện công khai năm học 2024-2025 theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân .

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (B/cáo);
- Chi bộ Trường THPT Vũng Tàu;
- Hội đồng trường THPT Vũng Tàu;
- Website Trường THPT Vũng Tàu;
- Dán niêm yết tại bảng tin trường;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Huệ